

TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Số: 513 /TNB

V/v công bố thông tin báo cáo tài chính giữa niên  
độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu  
năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
- Mã chứng khoán: PSW.
- Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: (0292) 3765 080; Fax: (0292) 3765 078
- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thanh Tùng**.  
Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3765 079 Fax: (0292) 3765 078.
- Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố).
- Nội dung công bố thông tin: Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ được lập ngày 13/08/2024 gồm: Báo cáo của Ban Giám đốc, Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, BCĐKT, BCKQHĐKD, BCLCTT và Thuyết minh báo cáo Tài chính.
- Địa chỉ Website : <http://www.psw.vn>. đăng tải toàn bộ nội dung công bố.  
Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD Công ty;
- P.TCHC, P. TCKT, P.KD, BBTWebsite;
- Lưu: VT, PHN.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBBT



Lê Thanh Tùng

TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ  
TÂY NAM BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Số: 512/TNB - TCKT

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế BCTC  
6 tháng đầu năm 2024 thay đổi trên 10% so với  
cùng kỳ năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (Công ty) xin giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm 2023 theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023	Tăng (+)/ Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
		1	2	3=1-2	4=3/2
1	Lợi nhuận trước thuế	1.465.342.851	536.742.922	928.599.929	173%
2	Lợi nhuận sau thuế	1.172.274.281	403.022.922	769.251.359	191%

Công ty xin giải trình nguyên nhân như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023	Tăng (+)/ Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
		1	2	3=1-2	4=3/2
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.291.690.023	17.995.220.231	7.296.469.792	41%
2	Chi phí BH-QL	23.469.739.125	17.697.718.704	5.772.020.421	33%
3	Thu nhập khác	-	241.789.264	(241.789.264)	-100%

Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận;

- Như trên;
- HĐQT, BKS, GD (để b/c);
- Lưu VT, TCKT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
NGƯỜI ĐƯỢC UOQBTT



Lê Thanh Tùng

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 20



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quý Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên
Ông Chu Văn Hách	Thành viên độc lập

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Công Bằng	Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc

#### Ban Kiểm soát

Bà Mai Hồng Khánh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Bùi Trinh Vân Anh	Thành viên
Bà Phạm Thị Á Châu	Thành viên

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**  
151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Công Bằng**  
Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2024  
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

00723  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ  
HÓA CHẤT DẦU  
KHÍ TÂY NAM  
BỘ

01126  
CÔNG  
TY TNHH  
HƯNG LỢI  
NINH KIỀU  
CẦN THƠ  
ĐA -

Số: 0132 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2024, từ trang 04 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Khúc Thị Lan Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0036-2023-001-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM  
Ngày 13 tháng 8 năm 2024  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng.  
Vui lòng xem tại [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết.

2461-  
TY  
ÀN  
À HÓA  
KHÍ  
BỘ  
CÁN

00-0  
TY  
H  
DÂN  
TTE  
AM  
TP. HÀ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>206.290.082.466</b>	<b>265.782.017.937</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>16.685.762.536</b>	<b>63.876.315.537</b>
1. Tiền	111		1.685.762.536	13.876.315.537
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	50.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>99.467.179.087</b>	<b>124.122.599.897</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	92.558.161.135	111.430.245.151
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	6.755.404.939	12.683.395.842
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		153.613.013	8.958.904
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>88.590.404.626</b>	<b>75.473.038.551</b>
1. Hàng tồn kho	141		92.405.242.421	81.429.848.636
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.814.837.795)	(5.956.810.085)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.546.736.217</b>	<b>2.310.063.952</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	248.103.763	718.362.928
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	1.298.632.454	1.591.701.024
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.161.651.625</b>	<b>18.973.154.192</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.714.990.926</b>	<b>18.469.701.411</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.612.707.391	3.336.525.946
- Nguyên giá	222		37.961.909.504	37.961.909.504
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.349.202.113)	(34.625.383.558)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	15.102.283.535	15.133.175.465
- Nguyên giá	228		15.835.487.425	15.835.487.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(733.203.890)	(702.311.960)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>446.660.699</b>	<b>503.452.781</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	446.660.699	503.452.781
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>224.451.734.091</b>	<b>284.755.172.129</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>21.553.601.109</b>	<b>82.794.858.572</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.553.601.109</b>	<b>82.794.858.572</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	2.640.673.413	56.611.550.670
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	9.117.198.320	18.051.280.430
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	37.830.800	191.772.246
4. Phải trả người lao động	314		2.482.503.413	4.065.183.499
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	2.070.183.628	916.748.749
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	2.915.775.344	61.580.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.289.436.191	2.896.742.978
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>202.898.132.982</b>	<b>201.960.313.557</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>202.898.132.982</b>	<b>201.960.313.557</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.000.000.000	170.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.928.985.693	18.928.985.693
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.969.147.289	13.031.327.864
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.031.327.864	11.381.983.519
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		937.819.425	1.649.344.345
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>224.451.734.091</b>	<b>284.755.172.129</b>



Lê Đức Tân  
Người lập biểu



Hồ Quang Ân  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Công Bằng  
Giám đốc  
Ngày 13 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.308.654.959.838	1.473.964.756.183
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	5.343.763.844	6.216.647.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	1.303.311.195.994	1.467.748.108.383
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	1.278.019.505.971	1.449.752.888.152
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		25.291.690.023	17.995.220.231
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		133.565.243	709.440.694
7. Chi phí tài chính	22		454.157.398	557.487.684
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		454.157.398	551.087.671
8. Chi phí bán hàng	25	22	15.588.816.434	10.834.675.083
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	7.880.922.691	6.863.043.621
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.501.358.743	449.454.537
11. Thu nhập khác	31		-	241.789.264
12. Chi phí khác	32		36.015.892	154.500.879
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(36.015.892)	87.288.385
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.465.342.851	536.742.922
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	293.068.570	133.720.000
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.172.274.281	403.022.922
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	55	19

Lê Đức Tân  
Người lập biểu

Hồ Quang Ân  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Công Bằng  
Giám đốc  
Ngày 13 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.465.342.851	536.742.922
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	02	754.710.485	836.750.700
Các khoản dự phòng	03	(2.141.972.290)	986.679.534
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(133.565.243)	(709.440.694)
Chi phí lãi vay	06	454.157.398	551.087.671
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	398.673.201	2.201.820.133
Thay đổi các khoản phải thu	09	24.655.324.919	(29.407.928.806)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(10.975.393.785)	(118.110.604.304)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(60.633.950.676)	63.746.935.173
Thay đổi chi phí trả trước	12	527.051.247	298.520.339
Tiền lãi vay đã trả	14	(454.157.398)	(551.087.671)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(133.260.233)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(841.761.643)	(1.880.054.989)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(47.324.214.135)</b>	<b>(83.835.660.358)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu lãi tiền gửi	27	133.661.134	642.755.762
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>133.661.134</b>	<b>642.755.762</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	35.000.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(260.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>34.740.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(47.190.553.001)</b>	<b>(48.452.904.596)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	63.876.315.537	84.903.544.936
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>16.685.762.536</b>	<b>36.450.640.340</b>

Lê Đức Tân  
Người lập biểu

Hồ Quang Ân  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Công Bằng  
Giám đốc  
Ngày 13 tháng 8 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 01 tháng 11 năm 2021. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ - được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800722461 ngày 15 tháng 8 năm 2008.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội ngày 30 tháng 6 năm 2015 với mã chứng khoán là PSW.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP ("Tổng Công ty"). Công ty mẹ tối cao của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Công ty có văn phòng chính tại số 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam và hệ thống các kho tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 58 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 56 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc đại lý làm thủ tục hải quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; và
- Bán buôn vật tư nông nghiệp, giống, hạt giống cây trồng, con giống thủy hải sản các loại. Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan. Xuất nhập khẩu phân bón hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, hàng nông lâm thủy hải sản.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, bản quyền phần mềm và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn là giá trị quyền sử dụng đất của kho Đồng Tháp và Tòa nhà Văn phòng tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Công ty không trích khấu hao đối với các quyền sử dụng đất này.

Giá trị bản quyền phần mềm và phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 05 năm.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảng hiệu đại lý, chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảng hiệu đại lý, chi phí sửa chữa văn phòng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định, được ghi nhận là các khoản trả trước và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày nghiệm thu dịch vụ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu thể hiện các khoản chiết khấu thương mại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	115.311.504	422.936.547
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.570.451.032	13.453.378.990
Các khoản tương đương tiền (i)	15.000.000.000	50.000.000.000
	<b>16.685.762.536</b>	<b>63.876.315.537</b>

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: lãi suất từ 1,9%/năm đến 2,3%/năm).

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	39.766.848.109	40.658.619.230
Công ty TNHH TMDV XNK Tường Nguyên	21.156.129.728	23.790.129.728
Công ty TNHH Trần Thị Ngoan	18.226.333.018	19.873.856.018
Công ty TNHH Út Nữ	-	12.540.000.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	5.035.806.296	5.134.568.701
Các khách hàng khác	8.373.043.984	9.433.071.474
	<b>92.558.161.135</b>	<b>111.430.245.151</b>

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan  
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)

	5.035.806.296	5.134.568.701
--	---------------	---------------

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	5.834.097.500	12.417.238.403
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	213.657.439	266.157.439
Các khoản trả trước cho người bán khác	707.650.000	-
	<b>6.755.404.939</b>	<b>12.683.395.842</b>

Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan  
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)

	6.047.754.939	12.683.395.842
--	---------------	----------------



7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	1.148.650.677	-	933.511.497	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	851.915.199	-	-	-
Hàng hoá	90.404.676.545	(3.814.837.795)	80.496.337.139	(5.956.810.085)
	<b>92.405.242.421</b>	<b>(3.814.837.795)</b>	<b>81.429.848.636</b>	<b>(5.956.810.085)</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, giá trị thuần có thể thực hiện được của một số hàng hóa đang thấp hơn giá gốc với số tiền là 3.814.837.795 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.956.810.085 VND).

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là hàng hóa với số tiền là 2.141.972.290 VND do công ty đã tiêu thụ một số hàng hóa đã trích lập dự phòng đầu kỳ (kỳ trước: trích lập 986.679.534 VND do giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính thấp hơn giá gốc).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảng hiệu đại lý	120.561.548	245.221.502
- Chi phí trả trước ngắn hạn	127.542.215	473.141.426
	<b>248.103.763</b>	<b>718.362.928</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa văn phòng	228.612.041	328.420.415
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	218.048.658	175.032.366
	<b>446.660.699</b>	<b>503.452.781</b>

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	25.815.691.083	128.128.000	4.071.610.421	7.946.480.000	37.961.909.504
Số dư cuối kỳ	25.815.691.083	128.128.000	4.071.610.421	7.946.480.000	37.961.909.504
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	23.988.471.926	128.128.000	3.493.778.043	7.015.005.589	34.625.383.558
Trích khấu hao trong kỳ	340.643.946	-	165.487.360	217.687.249	723.818.555
Số dư cuối kỳ	24.329.115.872	128.128.000	3.659.265.403	7.232.692.838	35.349.202.113
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	1.827.219.157	-	577.832.378	931.474.411	3.336.525.946
Tại ngày cuối kỳ	1.486.575.211	-	412.345.018	713.787.162	2.612.707.391

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 với giá trị là 26.155.292.840 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 26.155.292.840 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền phần mềm VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	15.014.545.425	198.400.000	622.542.000	15.835.487.425
Số dư cuối kỳ	15.014.545.425	198.400.000	622.542.000	15.835.487.425
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu kỳ	-	198.400.000	503.911.960	702.311.960
Trích khấu hao trong kỳ	-	-	30.891.930	30.891.930
Số dư cuối kỳ	-	198.400.000	534.803.890	733.203.890
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu kỳ	15.014.545.425	-	118.630.040	15.133.175.465
Tại ngày cuối kỳ	15.014.545.425	-	87.738.110	15.102.283.535

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 với giá trị là 634.572.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 634.572.000 VND).

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp/ bù trừ trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.591.701.024	293.068.570	-	1.298.632.454
	<b>1.591.701.024</b>	<b>293.068.570</b>	<b>-</b>	<b>1.298.632.454</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	172.974.603	179.095.317	344.628.951	7.440.969
Thuế thu nhập cá nhân	18.797.643	76.366.378	64.774.190	30.389.831
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các loại thuế khác	-	2.843.469	2.843.469	-
	<b>191.772.246</b>	<b>261.305.164</b>	<b>415.246.610</b>	<b>37.830.800</b>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	854.890.925	293.744.442
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	476.697.702	476.005.972
Các nhà cung cấp khác	1.309.084.786	1.498.967.756
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	-	54.342.832.500
	<b>2.640.673.413</b>	<b>56.611.550.670</b>
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	-	54.342.832.500

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Trần Thị Ngoan	6.650.000.000	1.283.800.000
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	807.033.320	10.740.883.320
Công ty TNHH TM DV Vận Tải Đông Đông Nam	-	4.617.570.000
Các khách hàng khác	1.660.165.000	1.409.027.110
	<b>9.117.198.320</b>	<b>18.051.280.430</b>
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	1.613.060.000	-

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí khuyến mãi	1.339.500.000	-
Chi phí lưu kho	386.193.799	599.291.079
Các khoản trích trước khác	344.489.829	317.457.670
	<b>2.070.183.628</b>	<b>916.748.749</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chiết khấu bán hàng	2.854.195.344	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	61.580.000	61.580.000
	<b>2.915.775.344</b>	<b>61.580.000</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
Số dư đầu kỳ	170.000.000.000	18.928.985.693	26.681.983.519	215.610.969.212
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	403.022.922	403.022.922
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(80.604.584)	(80.604.584)
Số dư cuối kỳ	<b>170.000.000.000</b>	<b>18.928.985.693</b>	<b>27.004.401.857</b>	<b>215.933.387.550</b>
<b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Số dư đầu kỳ	170.000.000.000	18.928.985.693	13.031.327.864	201.960.313.557
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.172.274.281	1.172.274.281
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(234.454.856)	(234.454.856)
Số dư cuối kỳ	<b>170.000.000.000</b>	<b>18.928.985.693</b>	<b>13.969.147.289</b>	<b>202.898.132.982</b>

- (i) Trong kỳ, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 với số tiền là 234.454.856 VND, tương ứng với 20% lợi nhuận sau thuế của kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Nghị quyết cũng đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2023 với số tiền 8.500.000.000 VND (tương ứng 500 VND/cổ phần) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa thông báo ngày chốt quyền cũng như chưa thực hiện chi trả cổ tức.

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.000.000	17.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.000.000	17.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - CTCP	127.500.000.000	75%	127.500.000.000	75%
Cổ đông khác	42.500.000.000	25%	42.500.000.000	25%
	<b>170.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Hàng hoá nhận giữ hộ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nhận giữ hộ hàng hóa là phân bón các loại của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP với số lượng 406,75 tấn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 19.728,9 tấn) và của các khách hàng với số lượng 25.598,25 tấn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 45.118,08 tấn).

**18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón, trong khi các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 19 và số 20.

Trong kỳ, các sản phẩm phân bón của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại khu vực các tỉnh miền Tây Nam Bộ, Công ty không có hoạt động xuất khẩu và tiêu thụ ở các vùng khác tại Việt Nam, theo đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán phân bón	1.298.909.982.000	1.463.147.417.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.744.977.838	10.817.338.683
	<b>1.308.654.959.838</b>	<b>1.473.964.756.183</b>
Chiết khấu thương mại	(5.343.763.844)	(6.216.647.800)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.303.311.195.994</b>	<b>1.467.748.108.383</b>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	9.646.783.188	22.693.802.728

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán phân bón	1.270.758.746.757	1.438.632.372.797
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.402.731.504	10.133.835.821
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.141.972.290)	986.679.534
	<b>1.278.019.505.971</b>	<b>1.449.752.888.152</b>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	217.767.444	339.851.170
Chi phí nhân công	9.009.922.774	7.269.014.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	754.710.485	836.750.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.984.897.341	15.036.094.125
Chi phí khác	7.800.901.281	5.536.247.455
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.141.972.290)	986.679.534
	<b>32.626.227.035</b>	<b>30.004.637.773</b>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	4.511.889.420	3.206.147.374
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.496.085	189.316.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.393.577.894	3.044.786.019
Các khoản chi phí bán hàng khác	6.565.853.035	4.394.425.470
	<b>15.588.816.434</b>	<b>10.834.675.083</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	4.112.768.654	3.328.884.954
Chi phí khấu hao tài sản cố định	637.214.400	647.434.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.678.123.947	1.405.051.032
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.452.815.690	1.481.673.155
	<b>7.880.922.691</b>	<b>6.863.043.621</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	293.068.570	133.720.000
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>293.068.570</b>	<b>133.720.000</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.465.342.851</b>	<b>536.742.922</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	131.857.082
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.465.342.851</b>	<b>668.600.004</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>293.068.570</b>	<b>133.720.000</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>1.172.274.281</b>	<b>403.022.922</b>
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND) (*)	(234.454.856)	(80.604.584)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>937.819.425</b>	<b>322.418.338</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong kỳ	17.000.000	17.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>55</b>	<b>19</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, số liệu trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi là số tạm tính theo kết quả kinh doanh trong kỳ. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty có thể sẽ cần điều chỉnh tương ứng khi phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 chính thức được thông qua ở Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

007  
 CÔNG  
 TỶ PH  
 BÓN  
 VIỆT Đ  
 Y NAM  
 ỦY-T

1001  
 CÔNG  
 TỶ  
 KIỂM  
 TOÁN  
 VIỆT  
 Đ

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên Liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Các đơn vị cùng Tập đoàn

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	9.646.783.188	10.688.802.728
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	-	12.005.000.000
	<b>9.646.783.188</b>	<b>22.693.802.728</b>
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	991.747.063.276	1.105.745.600.000
	<b>991.747.063.276</b>	<b>1.105.745.600.000</b>
<b>Nhận chiết khấu thương mại</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	11.874.937.213	22.619.795.500
	<b>11.874.937.213</b>	<b>22.619.795.500</b>
<b>Nhận hàng khuyến mại</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	-	135.801.991
	-	<b>135.801.991</b>
<b>Phí sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	52.500.000	148.816.837
	<b>52.500.000</b>	<b>148.816.837</b>
<b>Chi hộ</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	1.632.600.000	2.391.900.000
	<b>1.632.600.000</b>	<b>2.391.900.000</b>
<b>Trả tiền phạt vi phạm hợp đồng</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	36.015.892	-
	<b>36.015.892</b>	-

22467  
CÔNG TY  
PHÂN  
BÓN VÀ HÓA  
CHẤT DẦU KHÍ  
TÂY NAM BỘ  
P. C. CÁN

12500  
CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA  
CHẤT DẦU KHÍ  
TÂY NAM BỘ  
P. C. CÁN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	5.035.806.296	5.134.568.701
	<b>5.035.806.296</b>	<b>5.134.568.701</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	5.834.097.500	12.417.238.403
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	213.657.439	266.157.439
	<b>6.047.754.939</b>	<b>12.683.395.842</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	1.613.060.000	-
	<b>1.613.060.000</b>	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	-	54.342.832.500
	-	<b>54.342.832.500</b>

Thù lao Hội đồng Quản trị, thu nhập Ban Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng từ Công ty trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Phạm Quý Hiển - Chủ tịch HĐQT	493.712.490	746.143.286
Ông Nguyễn Công Bằng - Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc	443.776.730	664.657.953
Ông Lê Thanh Tùng - Phó Giám Đốc	402.591.819	622.092.693
Ông Chu Văn Hách - Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Bà Mai Hồng Khánh - Trưởng Ban kiểm soát	21.000.000	21.000.000
Bà Bùi Trịnh Vân Anh - Thành viên Ban Kiểm soát	15.000.000	15.000.000
Bà Phạm Thị Á Châu - Thành viên Ban Kiểm soát	15.000.000	15.000.000
	<b>1.415.081.039</b>	<b>2.107.893.932</b>

**26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay trong kỳ không bao gồm 189.125.000.000 VND (kỳ trước: 144.000.000.000 VND) là các khoản đi vay có thời hạn thanh toán không quá 03 tháng.



Lê Đức Tân  
Người lập biểu



Hồ Quang Ân  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Công Bằng  
Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

